

**ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH TỈNH CAO BẰNG**

**TÀI LIỆU SINH HOẠT CHI ĐOÀN**

**THÁNG 9/2023**

**\*\*\***

**I. Kỷ niệm 78 năm ngày thành lập Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 – 02/9/2023)**

**“Tuyên ngôn độc lập – Kết tinh và tỏa sáng**

 **những giá trị văn hóa tiêu biểu của dân tộc Việt Nam”**

Ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, trịnh trọng tuyên bố trước toàn dân và toàn thế giới về sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.Tuyên ngôn độc lập là áng văn lập quốc vĩ đại, là văn kiện có giá trị cao về tư tưởng, lý luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tuyên ngôn độc lập mở ra kỷ nguyên độc lập của dân tộc Việt Nam, đồng thời, thể hiện rõ thiện chí hoà bình và quyết tâm sắt đá của nhân dân quyết bảo vệ nền độc lập vừa mới giành được sau hơn 80 năm dưới ách cai trị của thực dân. Tuyên ngôn độc lập không chỉ là bản tổng kết những giá trị tiến bộ chung của nhân loại trong cuộc đấu tranh vì độc lập và quyền bình đẳng thiêng liêng của các dân tộc, mà còn là nơi kết tinh và toả sáng những nét đẹp văn hoá rất tiêu biểu của dân tộc như: tinh thần yêu nước, tinh thần đoàn kết, nhân ái, khoan dung và yêu chuộng hoà bình.

***Tinh thần yêu nước nồng nàn***

Trong suốt chiều dài lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn phải chống chọi với thiên nhiên và giặc ngoại xâm. Cuộc đấu tranh trường kỳ, gian khổ đó đã hình thành nên ý thức cộng đồng, ý thức tập thể và cao hơn là ý thức dân tộc, truyền thống yêu nước. Ý thức đó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, thẩm thấu vào máu thịt của mỗi người dân nước Việt. Lịch sử đã minh chứng, trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc, dân tộc Việt Nam đã phải liên tục chống lại các thế lực ngoại xâm từ phương Bắc tràn xuống: Hán, Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh để giành độc lập cho dân tộc với những tên tuổi làm rạng danh đất nước như: Hai Bà Trưng, Mai Hắc Đế, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám,... Sau này, Hồ Chí Minh đã tổng kết truyền thống yêu nước của dân tộc trong một câu nói rất nổi tiếng: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

Sức mạnh của lòng yêu nước đã hun đúc quyết tâm cứu nước, cứu dân và thôi thúc Hồ Chí Minh bôn ba tìm đường cứu nước. Cũng chính chủ nghĩa yêu nước là cơ sở dẫn Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và đến khi đất nước giành được độc lập, chính tinh thần ấy lại được kết tinh và toả sáng trong Tuyên ngôn độc lập - văn kiện đánh dấu sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Trong Tuyên ngôn độc lập, tinh thần yêu nước gắn liền với ý thức sâu sắc về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia dân tộc. Đó là sự tiếp nối dòng chảy của ý thức mãnh liệt về Tổ quốc, về núi sông bờ cõi, về chủ quyền quốc gia dân tộc được viết lên từ bài thơ thần Nam quốc sơn hà tương truyền của Lý Thường Kiệt đến áng “thiên cổ hùng văn” Bình Ngô Đại cáo của Nguyễn Trãi.

Nội dung chính của Tuyên ngôn độc lập là tuyên bố trước toàn thế giới “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và thực sự đã thành một nước tự do và độc lập”(2). Đó là sự tất yếu, là “lẽ phải không ai chối cãi được” bởi “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Thực dân Pháp xâm lược nước Việt Nam là đi ngược lại những giá trị chung, giá trị tốt đẹp của nhân loại đã được thừa nhận trong chính Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (1776): “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1979: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”.

Cách mạng Tháng Tám thành công, dẫn tới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của quân và dân ta từ khi có Đảng lãnh đạo.Lời kết của Tuyên ngôn độc lập nêu rõ ý chí của dân tộc Việt Nam và thể hiện chân lý: “Không có gì quý hơn độc lập tự do” - đó chính là biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa yêu nước, nét đẹp văn hoá tiêu biểu nhất của dân tộc Việt Nam được kế thừa và phát triển suốt chiều dài lịch sử.

***Tinh thần đoàn kết, khoan dung***

Truyền thống của người dân tộc Việt Nam là “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”, rộng hơn, đó là trong cộng đồng dân tộc “người trong một nước phải thương nhau cùng”. Từ nét đẹp văn hóa cao nhất đó là tinh thần yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa trở thành một nét đẹp văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam, đó cũng là tình cảm tự nhiên, là phép ứng xử và triết lý sống của mỗi người dân đất Việt.

Với nhãn quan chính trị sắc bén, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức sâu sắc, đoàn kết không chỉ tạo nên sức mạnh mà còn là vấn đề có ý nghĩa quyết định tới việc "sống - còn", "thành - bại", "được - mất" trong cuộc đấu tranh chống thực dân, đế quốc. Do đó, Người không ngừng xây dựng, hoàn thiện một hệ thống quan điểm về đại đoàn kết dân tộc đồng thời tích cực truyền bá tư tưởng đoàn kết trong toàn Đảng và trong các tầng lớp nhân dân. Tư tưởng và tấm gương đoàn kết Hồ Chí Minh là cơ sở, nền tảng cho sự thống nhất trong khác biệt để Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập hợp lực lượng, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho một dân tộc vốn đất không rộng, người không đông, tiềm lực kinh tế, quân sự không lớn, song đã đồng lòng đứng dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng đấu tranh thoát khỏi ách nô lệ thực dân, giành độc lập, tự do.

Tuyên ngôn độc lập một mặt tố cáo việc thực dân Pháp dùng chính sách chia để trị, phá vỡ khối đoàn kết của dân tộc bằng cách “lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân ta đoàn kết”; mặt khác khẳng định kết quả của tinh thần đoàn kết mà nhân dân Việt Nam giành được là “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”. Để bảo vệ thành quả của cách mạng, Tuyên ngôn độc lập thể hiện ý chí sắt đá “Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng quyết liệt chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”.

Cùng với đoàn kết, khoan dung cũng là sức mạnh. Ở Tuyên ngôn độc lập, sáng rõ hình ảnh đẹp của một dân tộc đầy lòng nhân ái, thương yêu con người. Đặc biệt hơn nữa, lòng nhân ái, tinh thần khoan dung trong Tuyên ngôn độc lập không phải là cách ứng xử đối với những người lầm đường, lạc lối thông thường mà đó là cách ứng xử đối với kẻ thù vốn “không đội trời chung”; không còn là cách ứng xử của một cá nhân mà là cách ứng xử của cả một dân tộc, hơn nữa là một dân tộc thắng trận.

Mặc dù, thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa. Mặc dù, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, chúng thi hành những luật pháp dã man, chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta, chúng “tắm” các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu, chúng thi hành chính sách ngu dân, dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược, chúng bóc lột dân ta đến tận xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều … Và mặc dù mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp đã đẩy lên đỉnh điểm khi “thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật” và từ chối việc Việt Minh kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật…Tuyên ngôn độc lập vẫn nêu cao tinh thần nhân ái, khoan dung của dân tộc Việt Nam, giương cao ngọn cờ chính nghĩa và chính sách đúng đắn của Mặt trận Việt Minh: “Đối với nước Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày mồng 9 tháng 3, Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ”.

Theo Hồ Chí Minh, cách ứng xử khoan dung đó “cho thế giới biết rằng chúng ta là một dân tộc văn minh”. Người đã nâng truyền thống nhân nghĩa, khoan dung của dân tộc lên tầm cao mới bằng cách kết hợp với chủ nghĩa nhân văn cộng sản. Cách ứng xử đó thể hiện tầm nhìn chiến lược, tầm cao văn hóa, tinh thần đối thoại, hòa giải … mà nhân loại tiến bộ ngày nay đang phấn đấu vươn tới.

***Yêu chuộng hòa bình***

Hòa bình là khát vọng mà cả nhân loại tiến bộ phấn đấu và hướng tới. Những dân tộc càng trải qua nhiều chiến tranh, chịu đựng nhiều đau thương, mất mát do chiến tranh gây ra lại càng nhận thức được giá trị của hòa bình.

Tuyên ngôn độc lập đã nêu bật bản chất tàn bạo của chủ nghĩa thực dân với chính sách cai trị tàn độc của Pháp ở Việt Nam cả về kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, nhất là hành động năm 1940, khi phát xít Nhật đến Đông Dương, thực dân Pháp chẳng những không “bảo hộ” được Việt Nam mà còn quỳ gối đầu hàng bán Việt Nam hai lần cho Nhật, khiến cho nhân dân ta càng thêm cực khổ, khiến cho “hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói”… Đó là những tội ác vi phạm quyền con người, quyền dân tộc, đi ngược lại khát vọng hoà bình của toàn nhân loại.

Trong điều kiện khắc nghiệt đó, dân tộc Việt Nam buộc phải kiên quyết  đứng lên đấu tranh để tự giải phóng và để giành lại nền độc lập đã mất. Sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đoàn kết và khát vọng hòa bình của Việt Nam là những nhân tố làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Việc Tuyên ngôn độc lập trịnh trọng tuyên bố nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời; thủ tiêu hoàn toàn chính quyền thực dân, phong kiến, khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam trước toàn thể nhân dân Việt Nam và toàn thế giới không những là tuyên ngôn về độc lập, tự do của dân tộc mà cònlà tuyên ngôn về tinh thần yêu chuộng hoà bình của Việt Nam:

“Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”…

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”.

Hơn thế nữa, trong bối cảnh cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân trên thế giới trở thành vấn đề lớn của thời đại, Việt Nam đã bền bỉ đấu tranh chống sự thống trị và nô dịch của chủ nghĩa thực dân và đã giành được độc lập - đó cũng chính là đóng góp lớn lao của dân tộc và nhân dân Việt Nam đối với nền hoà bình thế giới. Do vậy, Tuyên ngôn độc lập khẳng định: “Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không nhận quyền độc lập của dân Việt Nam”, thể hiện tinh thần yêu hoà bình tha thiết không chỉ của Hồ Chí Minh mà còn của cả dân tộc Việt Nam.Và thực tế là Tuyên ngôn độc lập đã mở đầu kỷ nguyên độc lập, tự do của các dân tộc thuộc địa, bị áp bức trên toàn thế giới.

# *Nguồn: Tạp chí Ban Tuyên giáo Trung ương*

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**II. Kỷ niệm 68 năm thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10/9/1955 – 10/9/2023)**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, có tiền thân là Hội Phản đế đồng minh (18/11/1930) đã tạo được cao trào phản đế mạnh mẽ trong cả nước, tác động sâu rộng trong các tầng lớp quần chúng, đánh dấu sự trưởng thành về nhận thức và chỉ đạo thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình tổ chức và xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất.

Trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) trong từng giai đoạn lịch sử Đảng đã lần lượt thành lập các mặt trận nhằm đáp ứng cho nhu cầu cách mạng.

Trong giai đoạn đấu tranh đòi dân chủ 1936 -1939 với sự ra đời Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế. Bước sang giai đoạn đấu tranh chuẩn bị giành chính quyền là sự thành lập của Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng Minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) (19/5/1941). Trong giai đoạn chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta. Ngày 29/5/1946 Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Hội Liên Việt) thành lập. Thực hiện lời kêu gọi “Toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt đã tuyên truyền vận động nhân dân tham gia kháng chiến. Ngày 3/3/1951, Đại hội toàn quốc Mặt trận thống nhất Việt Minh - Liên Việt lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt) thông qua Tuyên ngôn, Chính Cương của mặt trận với mục tiêu là: “Tiêu diệt thực dân pháp xâm lược, đánh bại bọn can thiệp Mĩ…”Qua 9 năm kháng chiến, Mặt trận Liên Việt trở thành “Một trong những trụ cột của Nhà nước dân chủ nhân dân, là sức mạnh vô biên của cuộc kháng chiến, kiến quốc…”. Ngày 10/9/1955 Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp tại Hà Nội đã quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thông qua Cương lĩnh nhằm đoàn kết mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình trong cả nước để đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

 Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời với bản Tuyên ngôn và Chương trình hành động 10 điểm, nội dung cơ bản là đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân với mục tiêu đấu tranh “Phải hoà bình! Phải độc lập! Phải dân chủ! Phải cơm no, áo ấm! Phải hoà bình! Thống nhất tổ quốc!” nhằm đánh đổ chế độ độc tài tay sai của đế quốc Mỹ.

Sau khi Việt Nam thống nhất, các lãnh đạo của 3 tổ chức chính trị ngoại vi hợp pháp đang tồn tại ở Việt Nam gồm Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng Dân tộc Dân chủ và Hòa bình Việt Nam đã họp từ 31 tháng 1 đến 4 tháng 2 năm 1977 tại thành phố Hồ Chí Minh, thống nhất ba tổ chức thành một tổ chức chính trị duy nhất lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Từ khi hình thành và phát triển, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vẫn luôn làm tròn vai trò của mình, trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể đã kịp thời động viên, khích lệ và dẫn dắt nhân dân ta đấu tranh trong công cuộc giành độc lập cho dân tộc. Trong bối cảnh hiện nay MTTQ Việt Nam vẫn luôn là chôc dựa vững chắc đưa nước ta tiến lên con đường công nghiệp hóa,hiện đại hóa, hòa nhập xu thế phát triển của thế giới./.

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

#  III. Kỷ niệm 93 năm ngày Phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh (12/9/1930- 12/9/2023)

# Cách đây hơn 90 năm, ngay sau khi được thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức và lãnh đạo một phong trào quần chúng lớn mạnh, xưa nay chưa từng có trong cả nước mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh.

# Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh của Nhân dân bùng lên mạnh mẽ từ đầu năm 1930 trên khắp cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Phong trào đấu tranh đặc biệt mạnh mẽ từ Ngày Quốc tế lao động 01/5/1930, lần đầu tiên công nông và dân chúng tỏ rõ dấu hiệu đoàn kết với vô sản thế giới và biểu dương lực lượng của mình. Từ thành phố đến nông thôn, trên cả ba miền đất nước đã xuất hiện nhiều truyền đơn, cờ Đảng, mít tinh, bãi công, biểu tình, tuần hành thị uy. Cao trào cách mạng do Đảng chủ trương và phát động đã diễn ra trên 25 tỉnh thành trong cả nước, trong đó Nghệ - Tĩnh là nơi phong trào phát triển mạnh mẽ nhất. Ngày 01/8/1930, công nhân khu công nghiệp Vinh - Bến Thủy tổng bãi công, đánh dấu một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến. Hòa nhịp với phong trào đấu tranh của công nhân, nông dân Nghệ - Tĩnh đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình có vũ trang tự vệ kéo đến các huyện đường Can Lộc (ngày 4/8), Nam Đàn (ngày 6/8 và 30/8), Thanh Chương (ngày 12/8), Nghi Lộc (ngày 29/8) và lan rộng ra hầu khắp các huyện trong 2 tỉnh.

# Tháng 9/1930, phong trào công - nông phát triển tới đỉnh cao; quần chúng đã vũ trang tự vệ, biểu tình thị uy có vũ trang, tiến công vào cơ quan chính quyền của địch ở địa phương. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của hơn 8.000 nông dân Hưng Nguyên nổ ra ngày 12/9/1930 để hưởng ứng cuộc đấu tranh của nông dân các huyện và cuộc bãi công của công nhân Vinh - Bến Thủy, phản đối chính sách khủng bố của bọn thực dân và phong kiến tay sai. Thực dân Pháp cho máy bay tới ném bom, làm 217 người chết, 125 người bị thương, càng làm cho phong trào đấu tranh của quần chúng Nhân dân vùng lên như bão táp, bộ máy chính quyền của thực dân và phong kiến tay sai ở nhiều huyện bị tê liệt, ở nhiều xã bị tan rã. Các tổ chức cơ sở đảng ở địa phương đã kịp thời lãnh đạo quần chúng thực hiện quyền làm chủ, tự đứng ra quản lý đời sống của mình, thực hiện nhiệm vụ của chính quyền nhân dân theo hình thức Xô Viết. Chính quyền Xô Viết đã ban hành và thực thi nhiều chủ trương, chính sách đem lại lợi ích chính đáng cho Nhân dân như: Ban bố quyền tự do dân chủ, tổ chức cho Nhân dân tham gia các đoàn thể cách mạng, trừng trị bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự an ninh; chia lại công điền, công thổ cho nông dân, thực hiện giảm tô, xóa nợ, thủ tiêu các thứ thuế vô lý... Chính quyền Xô Viết cũng tỏ rõ bản chất cách mạng và tính ưu việt của mình - thực sự là một chính quyền của dân, do dân và vì dân. Xô Viết - Nghệ Tĩnh đã trở thành ngọn cờ quy tụ và là nguồn cổ vũ mạnh mẽ Nhân dân lao động trong cả nước. Xô Viết - Nghệ Tĩnh là một sự kiện trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tuy chỉ tồn tại trong vòng bảy tháng và còn sơ khai nhưng đã để lại những dấu ấn tốt đẹp về một Nhà nước công nông đầu tiên, chưa có trong tiền lệ lịch sử, đáp ứng khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của người dân mất nước, nô lệ. Thành quả lớn nhất của cao trào cách mạng 1930 - 1931 và Xô Viết - Nghệ Tĩnh là đã khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân thông qua chính đảng tiên phong của mình, đoàn kết với các tầng lớp nhân dân yêu nước có đủ khả năng đánh đổ nền thống trị của đế quốc, phong kiến tay sai, giải phóng dân tộc, đem lại tự do hạnh phúc cho Nhân dân. Đây chính là cuộc tổng diễn tập đầu tiên của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, không chỉ đặt ra vấn đề liên minh công nông, vấn đề ruộng đất và dân cày, mà còn khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, vấn đề đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, từng bước tạo thế và lực để dân tộc ta đi tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

# Cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh đã để lại bài học lớn về sức lôi cuốn, tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân của Đảng ta thông qua đường lối, chủ trương, khẩu hiệu đấu tranh đúng đắn, đáp ứng được khát vọng cháy bỏng của Nhân dân. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước, thực hiện chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, việc hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách, cơ chế phù hợp với xu thế phát triển thời đại và nguyện vọng, lợi ích thiết thực, chính đáng của Nhân dân để hình thành động lực, sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp đổi mới đang là nhiệm vụ cấp bách, to lớn của Đảng và Nhà nước ta.

# 93 năm đã trôi qua nhưng tinh thần, hào khí của Xô Viết - Nghệ Tĩnh vẫn bất diệt. Tinh thần Xô Viết - Nghệ Tĩnh không chỉ đồng hành cùng Nhân dân ta vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức để giành thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc mà còn tiếp tục giành thắng lợi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Đặc biệt là trong giai đoạn này, cả nước đang chung tay góp sức cùng chống dịch Covid-19 với tinh thần “chống dịch như chống giặc” nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu kép vừa chống dịch hiệu quả, vừa phát triển kinh tế để phát triển đất nước./.

***Nguồn: Bảo tàng lịch sử Quốc gia***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***

**IV. Kỷ niệm 46 năm Ngày Việt Nam chính thức gia nhập Liên Hợp quốc (20/9/1977 – 20/9/2023)**

Tổ chức Liên Hợp quốc thành lập ngày 24/10/1945 trên cơ sở Hiến chương được 51 nước tham gia ký kết ngày 24/10/1945. Trụ sở đặt tại New York - Mỹ. Liên Hợp quốc được chia thành các cơ quan hành chính như: Đại hội đồng, Hội đồng Bảo An, Hội đồng kinh tế và xã hội, Ban thư kí, Tòa án Quốc tế vì Công lý. Ngoài ra, một số tổ chức tiến hành quản lý các cơ quan của Hệ thống Liên Hợp quốc, như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên Hợp quốc (UNICEF)…

Hiện nay, Liên Hợp quốc có 192 thành viên, sử dụng 6 ngôn ngữ chính thức gồm: tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha.

Mục tiêu của tổ chức Liên Hợp quốc là duy trì hoà bình, an ninh quốc tế thông qua những biện pháp tập thể hữu hiệu, ngăn ngừa và loại bỏ những mối đe doạ tới hoà bình, phù hợp với các nguyên tắc công lý và luật pháp quốc tế, các tranh chấp quốc tế hay những tình hình có thể phá hoại nền hoà bình; xây dựng quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia trên nguyên tắc tôn trọng quyền bình đẳng giữa các quốc gia, quyền tự do quyết định của các dân tộc, và áp dụng các biện pháp phù hợp để củng cố nền hoà bình thế giới; thực hiện hợp tác quốc tế nhằm giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo, thúc đẩy khuyến khích tôn trọng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tôn giáo hay ngôn ngữ; là trung tâm điều hòa các hoạt động của các quốc gia để đạt được các mục tiêu trên.

Sáu nguyên tắc hoạt động chủ yếu của Liên Hợp quốc là: Bình đẳng về chủ quyền quốc gia; Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia; Cấm đe dọa sử dụng vũ lực hoặc sử dng vũ lực trong quan hệ quốc tế; Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước; Tôn trọng các nghĩa vụ và luật pháp quốc tế; Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

Ngày 14/1/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhân danh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nộp đơn xin gia nhập Liên Hợp quốc. Do tương quan lực lượng tại Liên Hợp quốc và trên thực tế khi đó, Việt Nam chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận nên việc gia nhập Liên Hợp quốc chưa thể thực hiện được.

Với mong muốn trở thành thành viên chính thức của tổ chức Liên Hợp quốc, ngay từ những ngày đầu lập nước, ngoại giao đa phương đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, coi trọng như một mũi tiến công sắc bén trên mặt trận tổng hợp đấu tranh vì độc lập dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi nhiều thư, điện cho Chủ tịch Đại hội đồng Liên Hợp quốc, các đại diện của Mỹ, Liên Xô cũ, Trung Quốc, Anh… “yêu cầu các ngài công nhận nền độc lập ấy và nhận chúng tôi vào Hội đồng Liên Hợp quốc”.

Mặc dù các yếu tố chính trị và lịch sử chưa cho phép Việt Nam có thể sớm gia nhập Liên Hợp quốc, nhưng cuộc đấu tranh chính nghĩa và anh hùng của nhân dân Việt Nam vì độc lập, tự do và thống nhất đất nước cùng những đóng góp to lớn của Việt Nam đối với phong trào hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới đã tạo cho Việt Nam có được sự ủng hộ to lớn và rộng rãi trên toàn thế giới.

Sau khi Việt Nam thống nhất, tháng 7/1975, hai đoàn miền Bắc và miền Nam Việt Nam sang New York để vận động tham gia Liên Hợp quốc. Các nước đều ủng hộ 2 miền Việt Nam tham gia Liên Hợp quốc nhưng tại Hội đồng Bảo an, Mỹ đã dùng quyền phủ quyết của uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an để ngăn cản Việt Nam gia nhập Liên Hợp quốc.

Tháng 1/1977, khi Tổng thống Mỹ Jimmy Carter nhậm chức đã nới lỏng cấm vận, đồng ý để Việt Nam gia nhập tổ chức Liên Hợp quốc.

Tại phiên họp lần thứ 32 Đại hội đồng Liên Hợp quốc ngày 20/9/1977, Việt Nam được chính thức công nhận là thành viên thứ 149 của tổ chức đa phương lớn nhất thế giới này. Sự kiện này đã mở ra một thời kỳ mới cho ngoại giao đa phương Việt Nam với những đóng góp quan trọng vào thành công của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế mà đỉnh cao là việc Việt Nam hoàn thành xuất sắc vai trò Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009.

Liên Hợp quốc là một tổ chức quan trọng trong đời sống quốc tế và đặc biệt quan trọng với Việt Nam. Qua Liên Hợp quốc, Việt Nam không chỉ tranh thủ được sự ủng hộ về vật chất và tinh thần của thế giới, mà còn là diễn đàn để Việt Nam có thể nâng cao vai trò, vị trí của mình trên trường quốc tế.

Sự kiện quan trọng đánh dấu vị thế của Việt Nam tại Liên Hợp quốc, đó là việc Việt Nam tham gia ứng cử và được bầu làm Phó Chủ tịch Đại hội đồng Liên Hợp quốc nhiệm kỳ năm 1997; được bầu vào Hội đồng kinh tế - xã hội Liên Hợp quốc (ECOSOC); là thành viên Hội đồng Thống đốc Cơ quan năng lượng Nguyên tử quốc tế (IAEA) nhiệm kỳ 1997-1999; được bầu vào Ủy ban Phát triển xã hội và Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp quốc tháng 5/2000; Việt Nam được bầu vào Ban chấp hành Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa (UNESCO) tháng 10/2001; Việt Nam được 137 nước thành viên nhất trí bầu vào chức Ủy viên Hội đồng Thống đốc Cơ quan năng lượng Nguyên tử quốc tế năm 2003 tại Áo. Việt Nam đồng thời là thành viên trong Hội đồng Điều hành của chương trình phát triển và Quỹ dân số của Liên Hợp quốc (UND/UNFPA).

Ngày 16/10/2007, với 183/190 phiếu ủng hộ, Đại hội đồng Liên Hợp quốc đã bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kỳ 2008-2009. Sự kiện này đánh dấu một mốc hết sức quan trọng, có ý nghĩa trong tiến trình chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của nước ta.

***Nguồn: Bảo tàng lịch sử Quốc gia***

***Ban Tổ chức – Kiểm tra tổng hợp.***